TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19-3-2020
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Hiền.
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Liên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 526/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "*Yêu cầu ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Văn T và bà Trần Thị Thu H quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1985, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2002, ông bà mới làm thủ tục đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Hội Bài (nay là xã Tân Hòa), huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 30 tháng 10 năm 2002.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và cách sống dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, không cảm thông cho nhau, thường xuyên cãi vả, dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Ông T và bà H đã tự ý chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2012 đến nay. Nay xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông T, bà H có 02 người con chung là Võ Hồng Đ, sinh ngày 28/01/1986 và Võ Văn Q, sinh ngày 10/9/1990. Các con đều đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải bị đơn trình bày*:

Về điều kiện kết hôn: bà H xác nhận lời trình bày của ông T là đúng.

Về nguyên nhân nhân mâu thuẫn: bà H cho rằng do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài. Bà H cũng xác nhận bà và ông T đã chấm dứt cuộc sống chung hơn 06 năm nay. Tuy nhiên trước yêu cầu ly hôn của ông T bà H không đồng ý và với lý do trước khi ly thân vợ chồng bà có vay tiền của ngân hàng, nhưng chỉ 1 mình bà H có trách nhiệm trả tiền nợ cho ngân hàng, đến nay bà H đã trả xong nợ ngân hàng. Nay bà H yêu cầu ông T phải giao cho bà 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) tiền bà đã trả nợ ngân hàng bà H mới đồng ý ly hôn. Mặt khác bà H cũng không đồng ý hòa giải đoàn tụ với ông T.

Về con chung: Ông T, bà H có 02 người con chung là Võ Hồng Đ, sinh ngày 28/01/1986 và Võ Văn Q, sinh ngày 10/9/1990. Các con đều đã trưởng thành nên bà Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà Hồng

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc ông T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu đăng ký thường trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn bà Trần Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử văng mặt bà H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, ông Võ Văn T và bà Trần Thị Thu H tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1985 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Ông T, bà H đăng ký kết hôn tại UBND xã Hội Bài (nay là xã Tân Hòa), huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giấy chứng nhận kết hôn số 224, quyển số 02 ngày 30 tháng 10 năm 2002. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Hiện nay giữa ông T, bà H không còn tình cảm với nhau. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng đối với nhau, bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cải vã và xô xát nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Ông T, bà H đã tự sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng ông T, bà H đoàn tụ nhưng ông T, bà H không đồng ý đoàn tụ.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông T, bà H đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của ông T với bà H.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T, bà H có 02 người con chung là Võ Hồng Đ, sinh ngày 28/01/1986 và Võ Văn Q, sinh ngày 10/9/1990. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình hòa giải tại Tòa, bà H có yêu cầu ông T phải giao cho bà 40.000.000 (bốn mươi triệu đồng) theo bà H đây là tiền mà bà H đã trả khoản nợ chung của hai vợ chồng cho ngân hàng. Bà H đã có trách nhiệm trả xong nợ cho ngân hàng nên yêu cầu ông T phải thanh toán lại 40.000.000đ này cho bà H. Tòa án đã yêu cầu bà H nộp các liệu, chứng cứ về việc bà H đã trả khoản nợ chung đã vay của ngân hàng mà bà H đã trả thay phần của T. Đồng thời hướng dẫn bà H làm đơn yêu cầu về việc buộc ông T phải trả lại số tiền nêu trên và giải thích quy định pháp luật cho bà H. Tuy nhiên đã quá thời hạn quy định bà H không nộp đơn yêu cầu, cũng không nộp tài liệu, chứng cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của bà H.

Bà H có quyền khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán lại số tiền trên bằng 01 vụ án dân sự riêng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T. Ông Võ Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Thu H.

2.Về con chung: Ông T, bà Hồng có 02 người con chung là Võ Hồng Đ, sinh ngày 28/01/1986 và Võ Văn Q, sinh ngày 10/9/1990. Các con đều đã trưởng thành nên ông T bà Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Ông Võ Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002579 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.Như vậy ông T đã nộp xong án phí .

5. Về quyền kháng cáo:Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH:UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Thị Hiền